

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-ST

Ngày: 17/01/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân

Thẩm phán: Ông Phan Nguyên Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nở

2. Bà Võ Thị Nam

3. Bà Trần Thị Xuân Hải

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Lệ Thanh - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 17/01/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 716/2018/HSST ngày 03/12/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 26/2019/QĐXXST-HS ngày 02/01/2019 đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: **Nguyễn Văn Q**; giới tính: N; sinh năm 1991 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký thường trú: Ấp F, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: (lao động tự do); trình độ văn hóa: 7/12; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bắt, tạm giam: 10/6/2016;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2.Họ và tên: **Vương Đình K**; giới tính: N; sinh năm 1991 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký thường trú: Xóm D, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: (lao

động tự do); trình độ văn hóa: 9/12; con ông Vương Đình D và bà Tạ Thị C; hoàn cảnh gia đình: vợ tên Võ Thị Kim P, có 1 con sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Q: Ông Phạm Quang T1, luật sư của Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn K1; Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt,

Bị hại: Ông **Vương Đình D**; sinh năm 1966; nơi đăng ký thường trú: Xóm D, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Nhà không số, Khu phố E, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt

Người đại diện của bị hại: Bà **Tạ Thị C**; sinh năm 1970; nơi đăng ký thường trú: Xóm D, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Nhà không số, Khu phố E, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật (vợ của ông D); vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Tạ Thị C: Ông **Nguyễn Văn S**; sinh năm 1950; nơi đăng ký thường trú: 456/3 đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/12/2016); có mặt.

Các bị cáo còn có tư cách là người bị hại.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn Q1 là bạn cùng quê ở tỉnh Đồng Tháp. Vào khoảng 11 giờ ngày 24/01/2016, Q1 dùng xe máy chở Q đến Phòng trọ số A, nhà không số, Tổ B, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng trọ số A) để tổ chức ăn uống tại đây. Phòng trọ đã nêu do Huỳnh Thị Cẩm T2 (bạn gái của Q1) thuê. Sau đó, Q mượn xe máy của Q1, quay về nhà trọ tại Tổ G, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh rủ thêm Nguyễn Văn B (em ruột Q), Nguyễn Thị Bích T3 (bạn gái B) và Nguyễn Văn L (bạn của Q) cùng đến Phòng trọ số 10. Tại đây, Q, T2, B, T3, Quốc cùng tổ chức ăn và uống bia với nhau.

Đến khoảng 16 giờ 30 cùng ngày, Q1 thấy Vương Đình K đi ngang Phòng trọ số 10. Vì có quen biết với K nên Q1 gọi K vào ăn uống chung. Khoảng 17 giờ cùng ngày, giữa K và B xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc K chửi thề trong khi nói chuyện. Từ đó, dẫn đến việc B, Q và K gây gổ với nhau. Trong lúc gây gổ, Q có hành vi xô K ngã vào tường. Sau khi bị Q xô ngã, K về phòng trọ của mình (kể Phòng trọ số 10), lấy 1 con dao dài khoảng 30cm và 1 chiếc búa đinh và

quay lại Phòng trọ số 10. Khi thấy Q đứng trước Phòng trọ số A, K cầm dao chém Q, Q dùng tay đỡ thì bị K chém trúng vào tay. Quy đóng cửa Phòng trọ số 10 và nhờ mọi người trong phòng băng bó vết thương. Lúc này, K đứng ở ngoài, tiếp tục cầm dao, dùng búa đập bể kính Phòng trọ số A, hăm dọa chém Q và B. Lúc này, ông Vương Đình D (cha đẻ của K) từ trong phòng trọ của K chạy đến can ngăn. Vì tức giận do bị K chém, Q lấy 1 con dao dài khoảng 35cm ở trong Phòng trọ số A, chạy ra chém nhau với K. Ông D can ngăn đẩy Q ra, làm Q bị ngã và con dao trên tay Q văng ra. Thấy vậy, B chạy đến lấy con dao của Q, quơ qua, quơ lại với mục đích không cho K nhào đến chém Q. Lúc này, Q giật con dao trên tay B, dùng dao chém ông D và K. Q đã chém nhiều nhất trúng vào vùng đầu, mặt của ông D và chém trúng vào mặt K; K cũng cầm dao chém lại Q. Sự việc được mọi người can ngăn; ông D và K được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện A, còn Q được đưa đi cấp cứu ở Bệnh viện Q2.

Trong quá trình điều tra, cơ quan công an có thu giữ được một số vật chứng gồm: 1 con dao cán gỗ, dài khoảng 30cm, mũi dao vát nhọn; 1 con dao cán gỗ, dài khoảng 35cm, mũi dao bằng; 1 con dao dài khoảng 20cm, cán bằng nhựa màu vàng, mũi nhọn; 1 chiếc búa, cán bằng gỗ, dài khoảng 26cm; 1 mẫu máu.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 185/TgT.16 ngày 06/4/2016 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thành phố H kết luận về thương tích của ông Vương Đình D như sau:

-Đa vết thương vùng đầu mặt gây đứt da phức tạp, đứt vành tai trái, vỡ sọ phức tạp có nhiều mảnh rời, tụ máu ngoài màng cứng vùng đỉnh phải, rách tĩnh mạch dọc trên, dập não vùng đỉnh trái, đã được điều trị:

+Phẫu thuật lấy máu tụ, lấy mô não dập, găm bỏ sọ lõm, cầm máu xoang tĩnh mạch dọc trên;

+Khâu vành tai;

+Khâu các vết thương;

Hiện còn:

+Lỗ sọ đáy phập phồng vùng đỉnh phải kích thước 7 x 6cm, vùng đỉnh trái kích thước 9,3 x 9cm và đường vỡ sọ vùng đỉnh đầu (ảnh 1);

+Hình ảnh nhuyển não vùng đỉnh trái (ảnh 2, 3);

+06 sọ phức tạp kích thước 5,3 x 0,15cm, 2 x 0,1cm, 9 x 0,15cm, 6,5 x 0,15cm, 8,5 x 0,2cm và sọ mổ tại đỉnh đầu trái (ảnh 4), sọ mổ tại đỉnh trán thái dương phải (ảnh 5);

+01 sọ tại vành tai trái kích thước 10 x 0,1cm (ảnh 6, 7);

+01 sọ kích thước 8,5 x 0,15cm tại cằm trái, ảnh hưởng thẩm mỹ (ảnh 8);

+Liệt hoàn toàn $\frac{1}{2}$ người phải;

+Mất ngôn ngữ Broca.

-Vết thương phần mềm đã được điều trị, hiện còn 1 sẹo kích thước 4,8 x 0,3cm mặt sau trong 1/3 dưới cánh tay trái (ảnh 9) ...”

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Vương Đình D hiện tại là 96%.

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 2164/2016/KLGĐTC ngày 08/8/2016 của Trung tâm Pháp y tâm thần Khu vực Thành phố H kết luận: *Hiện tại, ông Vương Đình D mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.*

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 171/TgT.16 ngày 29/3/2016 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thành phố H kết luận về thương tích của Vương Đình K như sau:

-Vết thương trên trán gây đứt da, vỡ sọ trán, đã được điều trị, hiện còn dị vật nhỏ, sẹo kích thước 6x0,1cm tại trán cạnh đầu mày trái, ảnh hưởng thẩm mỹ, thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn tác động mạnh gây ra.

-Đa vết thương phần mềm đã được điều trị, hiện còn:

+1 sẹo kích thước 5x0,1cm tại vùng đỉnh sau; 1 sẹo kích thước 1,5x0,1cm tại môi trên trái. Các vết thương do vật tày, vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra.

+1 sẹo tại vai phải kích thước 5x(0,2-0,8)cm. Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra.

-Chấn thương gây gãy răng 4.1, chưa làm răng giả. Thương tích do vật tày, vật tày có cạnh sắc gây ra.

-Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra hiện tại 32%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 136/TgT.16 ngày 15/3/2016 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thành phố H kết luận về thương tích của Nguyễn Văn Q như sau:

-Vết thương đỉnh đầu trái gây nứt da, mẻ bản sọ ngoài kích thước 1,3cm, còn dị vật kim loại đỉnh tại bản sọ ngoài, đã được điều trị, hiện còn sẹo kích thước 2x0,15cm, có tỷ lệ 13%, thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc bằng kim loại gây ra;

-Đa vết thương phần mềm đã được điều trị, hiện còn:

+1 sẹo kích thước 3x0,2cm tại đỉnh sau, có tỷ lệ 2%, thương tích này do vật tày, vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra;

+1 sẹo kích thước 18x(0,1-1)cm tại ngực trái, có tỷ lệ 4%;

+1 sẹo kích thước 4,5x0,8cm tại mặt trước 1/3 trên cánh tay trái, có tỷ lệ 4%;

+1 sẹo kích thước 2,8x0,8cm tại mặt trước cánh tay phải, có tỷ lệ 3%;

+1 sẹo kích thước 6,5x0,4cm tại mặt sau trong cẳng tay phải, có tỷ lệ 3%;

+1 sẹo kích thước 2x0,1cm tại mặt sau mu ngón V bàn tay trái, có tỷ lệ 2%;

Các vết thương do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc nhọn gây ra.

-Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 28%.

Tại bản Cáo trạng số 466/CT-VKS-P2 ngày 02/11/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Q về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự năm 1999) và tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015); truy tố bị cáo K về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; đồng thời, đề nghị áp dụng e và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Q thừa hành vi phạm tội, không có ý kiến bào chữa mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Đồng thời, Q cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho K và không yêu cầu K phải bồi thường.

Bị cáo K thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến bào chữa mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm sóc ông D và gia đình. K yêu cầu xử lý hình sự đối với Q nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Q; K không yêu cầu Q phải bồi thường.

Ông Nguyễn Văn S trình bày ý kiến như sau: Hiện tại, ông D đang phải sống đời sống thực vật. Hậu quả xảy ra đối với ông D là vô cùng nghiêm trọng, không gì có thể bù đắp. Tuy nhiên, sự việc đã lỡ xảy ra, phía gia đình ông D không có yêu cầu gì đối với Q. Hoàn cảnh Q cũng khó khăn nên Q có khả năng bồi thường đến đâu thì bồi thường đến đó, gia đình ông D cũng chấp nhận. Hoàn cảnh của gia ông D đang gặp rất nhiều khó khăn: K là con trai lớn có vợ nhưng không có việc làm ổn định, có 2 em nhỏ còn ở độ tuổi đi học, có 1 con còn nhỏ, mẹ của K là cán bộ nghỉ hưu có thu nhập thấp, K là lao động chính. Do vậy, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho K để K có điều kiện chăm sóc ông D và gia đình.

Ông S và bị cáo Q thỏa thuận về việc bồi thường như sau: Quy bồi thường cho ông D 50.000.000đ tiền chi phí chăm sóc, chữa trị ông D; ngoài khoản tiền vừa nêu, Q không phải bồi thường khoản tiền nào khác.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội như sau: Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định cáo trạng truy tố là chính xác. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

Về hình phạt:

-Xử phạt Nguyễn Văn Q từ 14 đến 16 năm tù về tội “Giết người” và từ 3 đến 4 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 17 đến 20 năm tù;

-Xử phạt Vương Đình K từ 2 đến 3 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về mặt dân sự: Ghi nhận việc Q và K không yêu cầu bồi thường; ghi nhận nội dung thỏa thuận bồi thường giữa Q và người đại diện của bị hại.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Luật sư Phạm Quang T1 bào chữa cho bị cáo Q như sau: Bị cáo Q có trình độ văn hóa thấp, nhận thức về pháp luật có hạn chế; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có cha là thương binh hạng 1/4; phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi của K gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong phần đối đáp, Kiểm sát viên đối đáp với ý kiến bào chữa của luật sư như sau: Ông D chỉ là người can ngăn, không có mâu thuẫn gì với Q. Do vậy, đối với tội “Giết người”, không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội trong trường hợp bị kích động tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, luật sư bào chữa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Luật sư, các bị cáo không ai

có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2].Chỉ vì mâu thuẫn trong sinh hoạt, Vương Đình K đã có hành vi dùng dao chém Nguyễn Văn Q gây thương tích. Vì tức giận, Q cũng đã có hành vi dùng dao chém lại K gây thương tích. Q còn chém nhiều nhát vào vùng đầu của ông Vương Đình D là cha của K và là người đã đứng ra can ngăn. Hậu quả xảy ra: Ông D bị thương tích nặng, tỷ lệ tổn thương cơ thể được xác định là 96%, mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; K bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 32%; Q bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 28%. Hành vi của Q và K là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe của công dân; gây mất trật tự, an toàn công cộng, tạo tâm lý hoang mang, lo sợ cho mọi người. Là những người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng do bản tính hung hăng, hiếu thắng, luôn có ý thức sẵn sàng dùng vũ lực để giải quyết mâu thuẫn nên các bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

[3].Về việc xác định tội danh mà Nguyễn Văn Q và Vương Đình K đã phạm:

Nguyễn Văn Q đã dùng dao dài 35cm (loại dao dùng để chặt xương và những vật cứng) chém vào đầu của ông D. Hành vi này là hết sức nguy hiểm, có thể dẫn đến việc tước đoạt sinh mạng của ông D. Tại phiên tòa, Q cũng thừa nhận rằng Quy nhận biết được hành vi của mình là nguy hiểm, có thể làm ông D chết nhưng vì tức giận K, Q không làm chủ được bản thân nên đã chém cả K và ông D. Thực tế, Q không chỉ chém một nhát mà đã chém nhiều nhát vào đầu và cơ thể của ông D. Chỉ khi được mọi người can ngăn, Q mới dừng lại. Hậu quả do hành vi của Q gây ra là đã làm ông D bị vỡ sọ não và bị một vết thương ở cằm và tay với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 96%, mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Tại văn bản số 185-GT/TgT1.16 ngày 24/9/2018 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thành phố H (bl.459) xác định rằng các vết thương tại vùng đầu của ông D là rất nguy hiểm đến tính mạng. Do vậy, việc truy tố Nguyễn Văn Q về tội “Giết người” là có căn cứ.

Căn cứ vào nhận định vừa nêu, căn cứ vào nhận định tại mục [2] đã nêu, đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ căn cứ kết luận Nguyễn Văn Q phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; Vương Đình K phạm tội “Cố ý gây thương tích cho người khác” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Q và K theo tội danh và điều luật như đã nêu là có căn cứ, đúng luật pháp.

Trước khi gây thương tích cho K, Q đã bị K dùng dao chém trọng thương ở tay. Hành vi của K là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng (đã đủ yếu tố cấu

thành tội “Cố ý gây thương tích”). Sau khi bị K chém, Q vào trong Phòng trọ số 10 để băng bó vết thương và đóng cửa phòng trọ để ngăn cản K. Tuy nhiên, K không chịu dừng lại mà tiếp tục cầm dao, dùng búa đinh đập vỡ cửa kính Phòng trọ số 10 và đe dọa chém B, Q; vì tức giận, Q đã dùng dao chém K. Tại phiên tòa, Q cũng khai rằng vì tức giận, Q không còn làm chủ được bản thân nên Q đã chém K. Vì các lý do đã nêu, cần phải xác định Quy phạm tội đối với K trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ căn cứ vào thương tích mà Q gây ra cho K, hung khí do Q sử dụng để truy tố Q về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là chưa chính xác.

Như đã nhận định, Q đã gây thương tích cho K trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nên cần phải xem xét, xử lý Q về tội “Cố ý gây thương tích cho người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”. Tội phạm này được quy định tại Điều 105 Bộ luật hình sự năm 1999 và được quy định tại Điều 135 Bộ luật hình sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 1 Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Điều 155 Bộ luật hình sự năm 2015, đối với tội phạm vừa nêu thì chỉ được khởi tố khi có yêu cầu người bị hại. Trong quá trình điều tra, tại bản tự khai ngày 29/4/2016, K có yêu cầu phải xử lý Q theo pháp luật về việc Q gây thương tích cho K. Tại phiên tòa, mặc dù K yêu cầu giảm nhẹ cho Q nhưng K vẫn giữ yêu cầu xử lý Q theo quy định của pháp luật.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ căn cứ để kết luận rằng Q đã phạm tội “Cố ý gây thương tích cho người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo khoản 1 Điều 105 Bộ luật hình sự năm 1999 với hình phạt quy định từ cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 2 năm. Tuy nhiên, nếu đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 thì Q bị kết án theo khoản 1 Điều 135 với hình phạt được quy định là phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm. Như vậy, quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 là mang tính có lợi cho Q. Vì các lý do đã nêu, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc H, cần kết án Q về tội “Cố ý gây thương tích cho người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng đối với Nguyễn Văn Q:

Quy phạm tội “Giết người” thuộc trường hợp “Phạm tội chưa đạt”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì *“Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba*

phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định”. So sánh với quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 thì quy định vừa nêu mang tính có lợi cho người phạm tội. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, cần áp dụng quy định vừa nêu khi xem xét lượng hình đối với Q.

Q là người chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo cũng bị tổn thương cơ thể 28%. Do vậy, cần áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Hành vi phạm tội “Giết người” của Q gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội. Ông D chưa chết nhưng hậu quả do hành vi phạm tội của Q gây ra là hết sức nghiêm trọng, không chỉ làm cho ông D lâm vào trạng thái đời sống thực vật, mà còn kéo theo hệ lụy đó là đưa cả gia đình ông D vào hoàn cảnh vô cùng khó khăn khi phải chăm sóc, nuôi dưỡng ông D trong quãng đời còn lại, trong khi gia đình ông D là gia đình thuộc diện cận nghèo. Do vậy, mặc dù Q có một số tình tiết giảm nhẹ như đã nêu nhưng cũng cần phải xử lý nghiêm minh. Kiểm sát viên đề nghị xử phạt Q từ 14 đến 16 năm tù về tội “Giết người” là chưa tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm của Q.

Căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu, cần có hình phạt tương xứng đối với Q về từng tội danh mà Q đã phạm để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Quy phạm nhiều tội. Do vậy, cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[5]. Về tính chất, mức độ vi phạm, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo Vương Đình K:

Nguyên nhân dẫn đến sự việc phạm tội bắt nguồn từ việc K đã có lời nói không chuẩn mực trong khi ngồi ăn uống chung với B và Q. K cũng là người chủ động dùng dao chém Quy trước. Khi được mọi người can ngăn, K vẫn không dừng lại mà lại tiếp tục dùng búa đập bể kính cửa Phòng trọ số A, hăm dọa Q, B. Hành vi phạm tội của K có tính chất nghiêm trọng.

Bị cáo phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Hoàn cảnh gia đình của bị cáo K hiện đang lâm vào tình trạng đặc biệt khó khăn: Cha của K cũng chính là bị hại trong vụ án, bị tổn thương cơ thể đến 96%, đang trong trạng thái sống thực vật, luôn luôn phải có người chăm sóc; K có 1 con

nhỏ sinh năm 2015, có 2 em đang trong độ tuổi còn đi học; mẹ của K là cán bộ về hưu có thu nhập hàng tháng chỉ khoảng 3.000.000đ, gia đình của K là hộ gia đình cận nghèo; K là lao động chính trong gia đình, bản thân K cũng bị tổn thương cơ thể 32%; tại phiên tòa, Q cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho K. Vì các lý do đã nêu, cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho K.

Căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng đối với K.

Mặt khác, xét thấy bị cáo K có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không nhất thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù; việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo và có điều kiện chăm sóc ông D, giúp gia đình ổn định cuộc sống, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6]. Về mặt dân sự:

Căn cứ Điều 585 Bộ luật dân sự 2015,

Ghi nhận việc Nguyễn Văn Q và Vương Đình K không có yêu cầu gì đối với nhau; .

Ghi nhận việc thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn S và bị cáo Q như sau: Quy bồi thường cho ông Vương Đình D 50.000.000đ tiền chi phí cứu chữa, phục hồi sức khỏe cho ông D; ngoài ra, Q không phải bồi thường khoản tiền nào khác.

[7]. Về vật chứng: Xét thấy không còn sử dụng được, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8]. Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Giết người” và “Cố ý gây thương tích cho người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”; bị cáo Vương Đình K phạm tội “Cố ý gây thương tích cho người khác”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 135, khoản 3 Điều 7

Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội,

Xử phạt Nguyễn Văn Q 18 năm tù về tội “Giết người” và 2 (hai) năm cải tạo không giam giữ (được quy đổi thành 8 tháng tù) về tội “Cố ý gây thương tích cho người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 18 (mười tám) năm 8 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2016.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, khoản 1 và khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc H,

Xử phạt Vương Đình K 3 (ba) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng treo, thời gian thử thách là 5 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An để giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2.Về mặt dân sự:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 585 Bộ luật dân sự 2015,

Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Văn Q và Vương Đình K không có yêu cầu gì đối với nhau.

Ghi nhận việc thỏa thuận giữa đại diện bị hại với bị cáo Nguyễn Văn Q như sau: Bị cáo Nguyễn Văn Q bồi cho ông Vương Đình D 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền chi phí cứu chữa, phục hồi sức khỏe cho ông D; ngoài khoản tiền vừa nêu, Q không phải bồi thường khoản tiền nào khác.

Kể từ ngày người đại diện hợp pháp của ông Vương Đình D có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản bồi thường đã nêu, bị cáo K còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2.Về vật chứng.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu tiêu hủy:

- 1 con dao cán gỗ, dài khoảng 30cm, mũi dao vát nhọn;
- 1 con dao cán gỗ, dài khoảng 35cm, mũi dao bằng;
- 1 con dao dài khoảng 20cm, cán bằng nhựa màu vàng, mũi nhọn;

- 1 chiếc búa, cán bằng gỗ, dài khoảng 26cm;
- 1 mẫu máu.

Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản bàn giao tang tài vật số 81/89 ngày 13/11/2018 được lập giữa Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh và PC02 Công an Thành phố H.

3.Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 2.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4.Các bị cáo và các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5.Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 6b, Điều 7, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Vương Đình K)./.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- Trại giam; (1)
- Người bào chữa; (1)
- Đương sự; (3)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (21) (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân